

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng và ngân hàng với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PVD, VND

[Cập nhật công ty]

VPB, CTD

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị trái lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+5)

20/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,277.58	+0.35
VN30	1,312.55	+0.18
HĐTL VN30F1M	1,310.10	+0.17
HNXIndex	242.57	+0.43
HNX30	533.62	+0.11
UPCoM	93.53	+0.49
USD/VND	25,453	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.75	+1
Lãi suất qua đêm (%)	3.97	+27
Dầu (WTI, \$)	79.84	-0.27
Vàng (LME, \$)	2,442.42	+1.13



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,277.58 (+0.35%)
KLGD (triệu CP) 957.7 (+22.1%)
GTGD (triệu US\$) 1,087.5 (+19.9%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng và ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 819.33 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-0.98%), VNM (-0.90%), MWG (+0.67%).

HNXIndex 242.57 (+0.43%)
KLGD (triệu CP) 100.5 (-15.3%)
GTGD (triệu US\$) 75.4 (-0.3%)

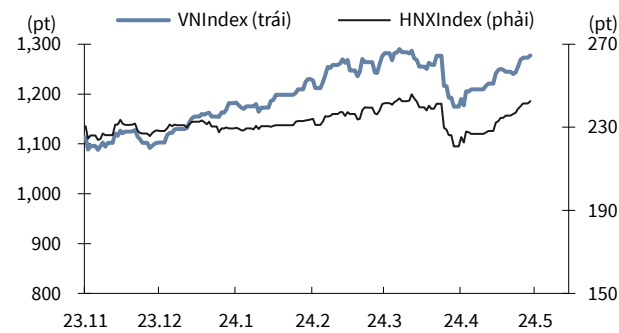
Tại thời điểm 7h25, giá dầu thô Brent giảm 0.14% xuống 83.9 USD/thùng và giá dầu WTI của Mỹ giảm 0.16% xuống 79.45 USD. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở PVB (-3.28%), PVC (-1.88%).

UPCoM 93.53 (+0.49%)
KLGD (triệu CP) 61.0 (-11.0%)
GTGD (triệu US\$) 36.9 (+25.7%)

Giá thịt heo Hà Nội tăng từ 3,000 đồng/kg đến 5,000 đồng/kg vào sáng đầu tuần 20/5. Cổ phiếu ngành thực phẩm tăng giá ở DBC (+3.44%), BAF (+1.81%).

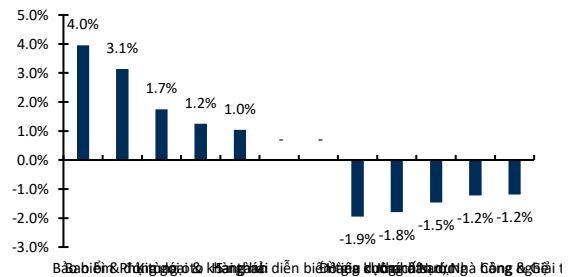
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -40.0

VNIndex & HNXIndex



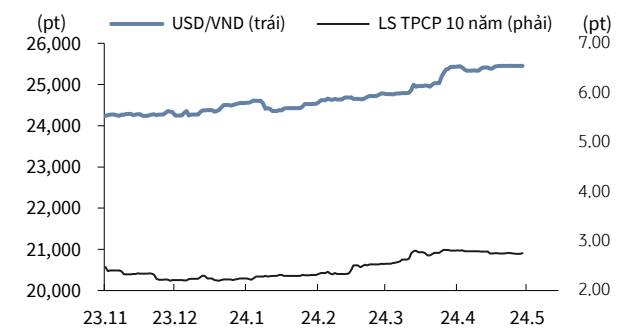
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



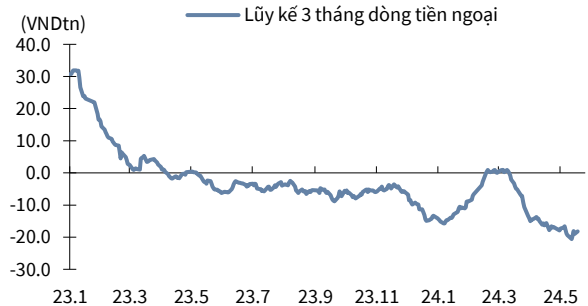
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

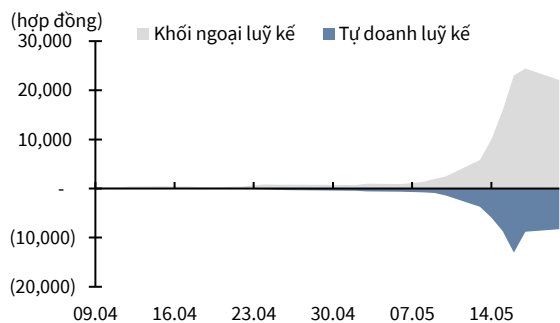
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,312.55 (+0.18%)
VN30F1M	1,310.1 (+0.17%)
Mở cửa	1,315.0
Cao nhất	1,319.8
Thấp nhất	1,310.1
KLGD (HĐ)	157,307 (-10.8%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 đạt mức cao nhất tại 7.25 điểm trong đầu phiên sáng, sau đó đảo chiều và biến động quanh -2 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -2.45 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

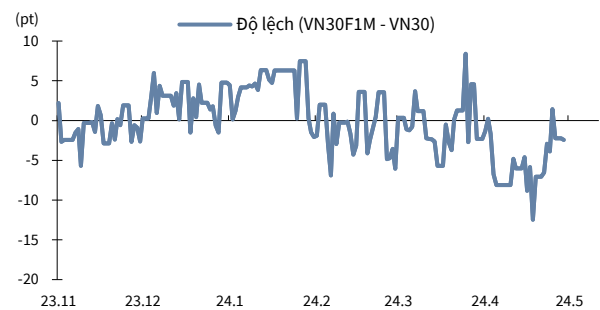
Khối ngoại bán ròng 2,309 HĐTL VN30F2406 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 22,118 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 553 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,249 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



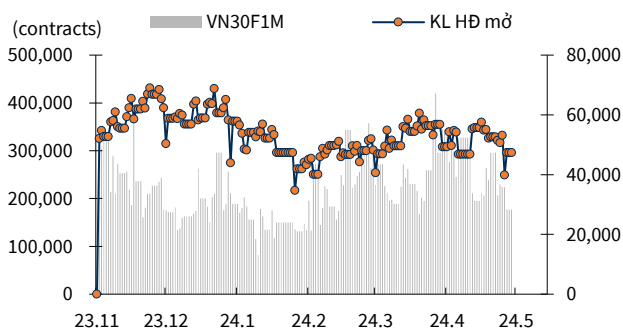
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



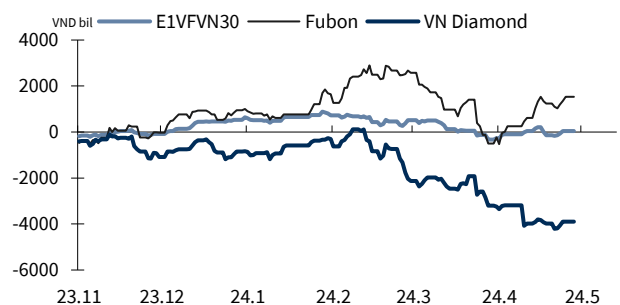
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

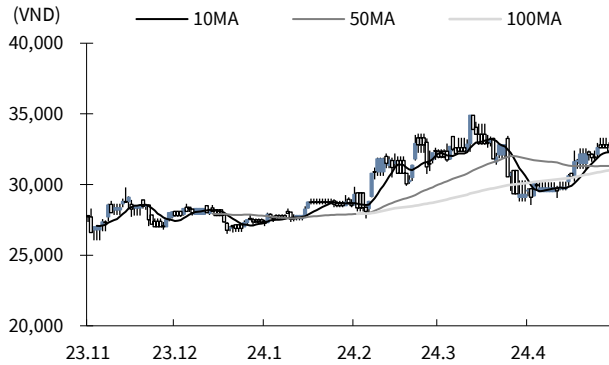
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)

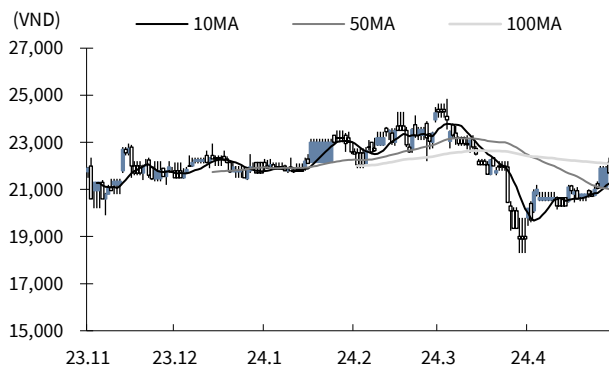


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVD giảm 0.77% xuống 32,350 VND/cp

- Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí cho biết về kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm, doanh thu ước thực hiện 2,436 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 279 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế khoảng 190 tỷ đồng. PVD ước tính doanh thu công ty mẹ vượt 17% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế vượt 102% kế hoạch. Về kế hoạch cho cả năm, PVD kỳ vọng đạt doanh thu khoảng 8,005 tỷ đồng.

CTCP Chứng khoán VNDIRECT (VND)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND giảm 0.91% xuống 21,700 VND/cp

- Ngày 16/5, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect. Theo kế hoạch, VND dự kiến chào bán gần 244 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1. Giá chào bán là 10,000 đồng/cp, tương đương với số tiền dự kiến huy động 2,437 tỷ đồng. Công ty dự kiến sử dụng 40% dòng vốn mới để bổ sung cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, 20% số tiền để đầu tư vào giấy tờ có giá, 20% để bảo lãnh phát hành chứng khoán và 20% cho hoạt động phát hành và phân phối chứng quyền.

16/05/2024

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

1Q2024, LNTT đạt 4,182 tỷ VND, tăng 64.0% YoY

1Q2024, VPB có thu nhập lãi thuần đạt 11,323 tỷ VND (+2.5% QoQ, +18.8% YoY); TOI đạt 13,411 tỷ VND (+0.5% QoQ, +8.5% YoY). Chi phí trích lập dự phòng đạt 5,762 tỷ VND (-17.9% QoQ, -9.8% YoY) khiến LNTT cải thiện mạnh mẽ, đạt 4,182 tỷ VND (+54.4% QoQ, +64.0% YoY).

VPB đặt kế hoạch LNTT đạt 23,165 tỷ VND, tăng 114.4% YoY

Tại ĐHCĐ thường niên 2024, VPB đặt kế hoạch kết quả kinh doanh 2024 khá tham vọng với tăng trưởng tín dụng 25% YoY; Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất < 5%; LNTT đạt 23,165 tỷ VND, tăng 114.4% YoY. Ngoài ra, VPB sẽ chi trả cổ tức tiền mặt 10% với thời gian thực hiện trong 2Q hoặc 3Q2024.

Bộ đệm dự phòng mỏng tạo áp lực trích lập lớn trong năm 2024

Áp lực trích lập dự phòng của VPB trong năm 2024 vẫn sẽ ở mức cao dựa trên: (1) Tỷ lệ bao phủ nợ xấu hiện chỉ đạt 34.45% nếu tính cả phần nợ tái cơ cấu theo thông tư 02 và nợ trái phiếu VAMC; (2) Đẩy nhanh quy mô tín dụng trong bối cảnh nền kinh tế còn yếu tiềm ẩn rủi ro gia tăng nợ xấu; (3) Tỷ lệ nợ nhóm 2 trong 1Q2024 tăng mạnh, cho thấy chất lượng tài sản đang có những bất ổn sau 2 quý hồi phục tương đối tốt.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 26,000 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu cho năm 2024 là 26,000 VND/cp, cao hơn 34.0% so với giá tại ngày 16/05/2024.

MUA duy trì

Giá mục tiêu VND26,000

Tăng/giảm (%)	34.0%
Giá hiện tại (16-05-2024)	VND 19,400
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 22,600
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	152.7/6.0

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	41,021	38,175	51,835	71,370
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	43,681	35,798	47,746	64,327
LNST (tỷ VND)	18,168	9,974	14,261	19,280
EPS (VND)	2,694	1,257	1,798	2,430
Tăng trưởng EPS (%)	4%	-53%	43%	35%
PER (x)	7.2	15.4	10.8	8.0
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,349	17,620	19,291	21,596
PBR (x)	1.26	1.10	1.01	0.90
ROE (%)	17.8	7.0	9.9	12.5
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	5.2	5.2

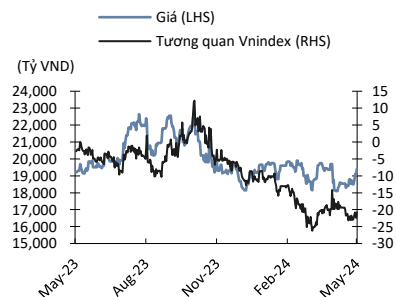
Nguồn: Fiinpro, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	89.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	289.9/11.6
Sở hữu nước ngoài (%)	27.6%
Cơ cấu đồng	SMBC (15.01%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6.9	-2.3	0.5	1.0
Tương đối	0.5	-7.2	-14.7	-18.6



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Xây dựng Coteccons (CTD)

ESG là lợi thế thúc đẩy tăng trưởng

20/05/2024

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
 nguyenn1@kbsec.com.vn

LNST Q3 FY24 đạt 105 tỷ VND (+52% QoQ, +375% YoY)

Trong kỳ, CTD ghi nhận 58 tỷ VND từ giao dịch mua giá rẻ sau khi sáp nhập Công ty TNHH Cơ và Điện Việt Nam (UGVN), giúp LNST tăng lần lượt 52% QoQ và 375% YoY. Đáng chú ý, mảng kinh doanh cốt lõi của CTD tiếp tục có sự cải thiện khi biên lãi gộp thuần đạt 3.5% (+50 bps QoQ, +171 bps YoY).

Nợ xấu tăng đột biến trong quý, CTD có thể cần gia tăng trích lập dự phòng trong các quý tiếp theo

Trong Q3 FY24, nợ xấu thuần của CTD đạt 928 tỷ VND, tăng 426 tỷ VND so với thời điểm cuối Q2 FY24. Các khoản nợ xấu mới trong kỳ phần lớn phát sinh từ các gói thầu, hợp đồng ký trước giai đoạn 2022, các chủ đầu tư gặp vấn đề về dòng tiền trong bối cảnh tốc độ hồi phục của thị trường Bất động sản dân cư/nghỉ dưỡng còn chậm.

Động lực tăng trưởng chính tới từ các dự án có vốn FDI

Với năng lực thi công hàng đầu, nền tảng tài chính vững chắc và khả năng đáp ứng các yêu cầu về ESG trong xây dựng của các chủ đầu tư nước ngoài, chúng tôi kỳ vọng CTD sẽ tiếp tục gia tăng backlog của các dự án công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong thời gian tới. KBSV cho rằng việc gia tăng tỷ trọng doanh thu tại các dự án có vốn đầu tư FDI là chiến lược đúng đắn khi (1) các dự án công nghiệp có biên lãi gộp cao là động lực chính để tăng trưởng lợi nhuận hoạt động kinh doanh cốt lõi, (2) các dự án của chủ đầu tư FDI sẽ giúp CTD hạn chế rủi ro phát sinh nợ xấu.

Khuyến nghị MUA với CTD, giá mục tiêu 85,000 VND/cổ phiếu

Chúng tôi khuyến nghị MUA với CTD, giá mục tiêu 85,000 VND/cổ phiếu, tương ứng với mức định giá PBR = 1x, tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng 20% so với giá đóng cửa ngày 20/05/2024

MUA thay đổi

Giá mục tiêu	VND 85,000
Tăng/giảm	20%
Giá hiện tại (20/05/2024)	VND 70,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 75,900
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	0.68/0.26

Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	125.25/5,04
Sở hữu nước ngoài	44.9%
Cổ đông lớn (Kustoshem Private Limited)	17.6%

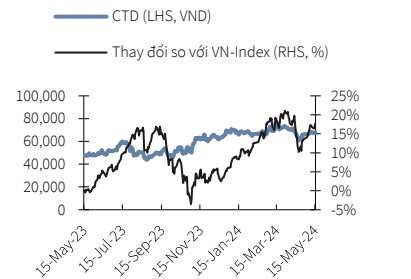
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	3.3	1.8	10.0	43.9
Tương đối	0.2	-2.5	-3.9	26.2

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	FY 2022A	FY 2023A	FY 2024F	FY 2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	14,537	6,744	19,964	23,558
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	-54	69	244	420
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	21	52	292	336
EPS (VND)	263	663	2,820	3,243
Tăng trưởng EPS (%)	-13%	152%	326%	15%
P/E (x)	125.2	97.8	25.1	21.8
P/B (x)	0.3	0.6	0.9	0.8
ROE (%)	0%	1%	3%	4%
Tỉ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap bất tăng từ đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Diễn biến hưng phấn của lực cầu tiếp tục được duy trì, giúp VNIndex tạo gap tăng điểm ngay từ thời điểm mở cửa phiên. Tuy nhiên, trạng thái giao dịch phần nào đan xen tín hiệu bán và áp lực điều chỉnh trở nên rõ nét hơn khi dòng tiền mua vào chững lại, khiến cho chỉ số đóng cửa ở mức thấp nhất phiên, cho thấy rủi ro giảm điểm ngày càng gia tăng. Mặc dù vậy, các cổ phiếu trụ vẫn thay phiên giữ nhịp cho chỉ số và cơ hội vượt vùng đỉnh 129x vẫn đang được để ngỏ.
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+5).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1329 – 1333

Kháng cự gần: 1317 – 1320

Hỗ trợ gần: 1301 – 1304

Hỗ trợ xa: 1292 – 1295

- Sau nhịp mở gap bật tăng từ đầu phiên, F1 dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- F1 dần chuyển sang trạng thái tiêu cực hơn và không duy trì được đà hưng phấn khi phe Short dần gia tăng vị thế trở lại, tạo nên “bulltrap” quanh vùng đỉnh ngắn hạn. Mặc dù cơ hội vượt đỉnh cho F1 vẫn đang được bỏ ngỏ, rủi ro áp lực điều chỉnh gia tăng trở lại quanh vùng đỉnh ngắn hạn vẫn còn hiện hữu.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời các vị thế Short quanh ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

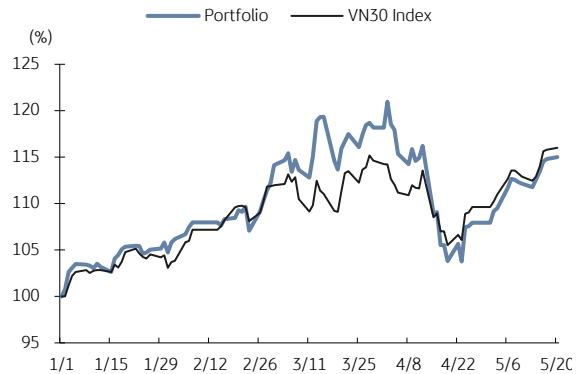
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.18%	0.18%
Tăng lũy kế (YTD)	16.00%	15.00%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	133,000	-1.1%	7.4%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,350	2.3%	-0.4%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	91,900	0.1%	-6.4%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	33,600	0.7%	1.4%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	49,700	-0.1%	6.2%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	164,600	-0.7%	2.2%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	66,400	-0.9%	-1.8%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	31,000	0.6%	-11.0%	- Quý đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	17,400	0.0%	-11.7%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	60,000	0.7%	7.1%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DBC	3.4%	3.8%	164.9
EIB	4.2%	3.5%	44.5
FUEVFNVD	-0.4%	96.5%	41.5
NKG	1.6%	14.3%	40.5
HVN	2.3%	6.8%	38.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.0%	18.0%	-205.0
VNM	-0.9%	51.2%	-152.8
MWG	0.7%	49.0%	-105.6
VPB	2.1%	27.5%	-90.2
HPG	1.3%	25.3%	-71.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	0.6%	1.1%	7.7
TNG	3.5%	22.0%	4.7
HUT	0.6%	1.7%	4.2
VFS	0.5%	0.1%	1.4
MST	1.8%	0.5%	0.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	9.8%	-21.9
CEO	-0.5%	5.2%	-16.6
IDC	0.0%	22.8%	-9.2
BVS	-0.8%	6.7%	-8.2
PVS	-1.8%	20.7%	-5.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	6.8%	VSC, VOS, SKG, VTO
Kim loại & khai thác	5.8%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	5.3%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bảo hiểm	5.0%	BVH, MIG, BIC, BMI
Máy móc	4.2%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-4.0%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hàng không dân dụng	-2.3%	VJC, HVN
Sản phẩm xây dựng	-0.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tiện ích điện	-0.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Dược	-0.4%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	22.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	20.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Công nghệ	19.4%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	19.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	14.0%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.5%	TNH, JVC, VMD
Dược	-0.4%	DHG, IMP, TRA, DBD
Bao bì & đóng gói	0.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Tiện ích khí	1.1%	GAS, PGD, PMG
Cơ sở hạ tầng & vận tải	2.9%	GMD, LGC, CII, HAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	94,601 (3.7)	22.5	37.9	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.8	-0.3	3.8	9.6	4.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	279,160 (11.0)	26.6	5.3	4.6	35.9	17.2	17.0	0.9	0.8	-1.0	0.9	-2.5	-6.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	153,543 (6.0)	17.8	12.4	10.8	-7.6	11.0	11.0	1.3	1.1	-1.1	2.7	7.3	-1.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	310,672 (12.2)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	0.0	4.0	-1.0	-16.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	104,028 (4.1)	11.6	33.6	28.3	13.7	6.2	7.9	1.8	1.7	0.0	1.7	11.8	17.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	146,603 (5.8)	13.9	39.0	25.7	-	2.7	3.7	1.1	1.1	0.0	3.3	11.5	-10.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	110,018 (4.3)	6.3	14.6	12.4	11.7	19.6	19.3	2.6	2.1	0.1	1.0	1.5	14.4
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	66,040 (2.6)	12.7	13.1	10.8	-5.3	18.8	18.8	2.0	1.7	0.5	2.1	2.6	14.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	450,661 (17.7)	0.0	8.1	6.5	14.3	16.1	17.5	1.2	1.0	-0.1	2.7	11.7	56.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	253,088 (10.0)	1.4	8.7	6.7	50.3	17.2	18.6	1.2	1.1	0.8	3.3	5.5	23.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	240,218 (9.4)	0.0	11.0	8.4	18.8	9.9	11.8	1.1	1.0	2.1	5.3	9.4	3.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	381,866 (15.0)	0.0	5.7	4.9	14.6	22.1	22.1	1.1	1.0	0.9	3.5	3.3	25.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	190,620 (7.5)	4.2	5.6	5.1	23.3	22.9	21.9	1.3	1.0	2.3	6.9	11.7	22.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	289,994 (11.4)	14.0	5.6	4.1	26.5	19.2	22.1	1.0	0.8	-0.7	3.9	5.6	1.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	138,012 (5.4)	0.0	6.6	5.5	37.4	16.9	17.7	1.1	0.9	0.3	2.5	11.1	6.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	130,740 (5.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	4.2	4.5	12.1	0.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,859 (0.5)	21.0	18.0	15.5	15.8	8.1	8.9	1.4	1.3	3.7	4.7	10.0	7.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	3,873 (0.2)	14.2	10.2	9.2	9.1	12.5	12.6	1.0	1.0	5.5	5.5	9.0	16.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	504,203 (19.8)	55.4	20.1	16.7	-3.2	12.2	12.5	2.0	1.9	0.7	2.9	10.4	11.7
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	254,931 (10.0)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	2.0	4.8	11.6	17.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	191,861 (7.5)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-0.2	4.1	18.5	24.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	232,702 (9.2)	27.2	18.7	14.1	36.3	10.7	11.8	1.7	1.6	-0.9	4.3	14.8	-2.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	204,062 (8.0)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.1	4.4	4.2	-0.9	0.9	3.4	-1.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	51,354 (2.0)	36.9	17.4	16.2	7.3	17.7	18.7	3.1	2.9	-0.5	1.6	10.1	-8.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	367,938 (14.5)	16.5	63.0	30.3	-51.9	7.2	10.9	3.9	4.1	1.2	7.9	14.9	14.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	8,648 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	3.6	13.0	-7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	122,345 (4.8)	11.0	36.2	21.1	-88.5	12.5	17.6	-	-	-2.4	-3.5	10.9	6.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	174,724 (6.9)	10.8	23.3	21.1	-57.0	13.7	14.2	2.8	2.6	-1.1	2.2	4.9	19.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	74,644 (2.9)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	0.3	4.8	12.5	1.7
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	65,791 (2.6)	48.0	30.2	25.0	26.2	28.5	30.6	7.1	6.0	-2.5	3.9	16.8	42.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	256,292 (10.1)	37.7	37.3	18.4	-14.4	5.9	7.3	1.6	1.6	1.7	5.4	18.3	-1.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	72,707 (2.9)	3.6	23.1	15.6	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	0.0	5.5	15.9	2.8
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	99,708 (3.9)	0.0	11.7	10.4	-4.5	12.0	12.5	1.4	1.3	-0.7	0.7	16.4	18.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	65,346 (2.6)	46.1	15.6	14.5	-17.5	16.9	16.8	2.5	2.4	0.4	1.1	1.3	0.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,753 (0.5)	31.4	-	25.0	-10.5	3.1	6.6	1.6	1.6	0.0	1.1	6.2	-8.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	11,010 (0.4)	34.1	7.7	6.2	-5.1	15.6	18.6	-	-	0.0	-0.6	18.2	7.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	691,826 (27.2)	18.0	14.2	10.4	21.9	11.8	15.2	1.6	1.4	1.3	6.0	15.1	14.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	66,026 (2.6)	36.5	18.3	16.2	-0.5	5.3	8.3	1.2	1.2	-0.1	4.9	12.3	5.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	131,073 (5.2)	46.5	13.8	12.5	-4.5	14.3	15.3	1.9	1.8	-1.2	7.4	20.8	13.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	150,099 (5.9)	38.9	16.4	12.0	67.9	8.7	12.9	1.2	1.1	0.5	4.5	12.3	-3.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	35,695 (1.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	2.7	20.5	21.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	54,019 (2.1)	4.6	14.9	13.8	-51.0	11.4	11.5	1.7	1.6	0.1	-4.6	9.7	10.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	147,934 (5.8)	39.9	18.4	12.0	-11.9	6.1	8.1	1.2	1.1	-0.8	0.8	10.4	14.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	129,814 (5.1)	35.9	8.9	7.8	2.2	15.4	15.1	1.2	1.1	-1.7	-1.4	20.5	21.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	753,000 (29.6)	0.0	30.3	17.4	14.4	12.3	15.4	3.4	3.1	0.7	2.9	24.5	40.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	143,777 (5.7)	0.0	15.1	13.0	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	-1.7	0.2	6.4	13.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	9,446 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	-2.7	2.2	-22.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	138,551 (5.5)	30.3	102.7	39.0	-75.2	19.2	24.6	11.9	9.4	-0.7	2.4	16.7	53.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,736 (0.9)	34.6	19.0	14.4	41.2	13.8	18.0	2.4	2.2	-0.7	2.6	8.9	20.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,610 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	0.1	-0.9	4.0	11.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	435,814 (17.1)	0.0	21.5	17.5	15.5	29.0	29.1	4.9	4.1	-1.1	2.5	22.0	38.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.